CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN KHỞI THÀNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2026/CV-VKT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2026*

THÔNG BÁO MỞ BÁN TÒA CT2

"V.v: Thông báo mở bán nhà ở xã hội đối với tòa CT2 Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (*nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)*"
(Đợt 1 năm 2026)

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số Điều Luật Nhà ở;

Căn cứ Hướng dẫn số 3540/SXD-QLN ngày 06/11/2025 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung quy định về trình tự, thủ tục mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ Văn bản số 964/SXD-QLN ngày 27/05/2019 và văn bản số 1284/SXD-VP ngày 24/06/2020 của Sở Xây dựng về việc bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh *(nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)*.

Công ty cổ phần Vạn Khởi Thành báo cáo và đề nghị Sở Xây dựng đăng tải, công bố công khai tại Cổng Thông tin điện tử của Sở Xây dựng về việc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội trước khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh *(nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)* như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh *(nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)*

2. Chủ đầu tư dự án: Công ty cổ phần Vạn Khởi Thành.

3. Địa điểm xây dựng dự án: phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh *(nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)*.

4. Địa chỉ liên lạc, địa chỉ nộp đơn đăng ký:

+ Tại Bắc Ninh: Văn phòng dự án, khu phố Long Vỹ, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Số điện thoại liên hệ: 0976755228

+ Tại Hà Nội: Số 713 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Số điện thoại: 0976576042

5. Quy mô dự án:

Xây dựng khu nhà ở xã hội theo quy hoạch chi tiết được duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-SXD ngày 26/9/2014 và Đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 339/QĐ-SXD ngày 20/11/2015 Khu nhà ở xã hội tại phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn; gồm một số hạng mục:

+ 02 khối nhà ở xã hội cao 08 tầng (CT1 và CT2); gồm 266 căn hộ; tổng diện tích đất xây dựng 3.960 m2; tổng diện tích sàn xây dựng 21.700 m2.

+ Dãy nhà ở thương mại thấp tầng gồm 22 lô (nhà ở liền kề); tổng diện tích đất xây dựng 1.430 m2; tổng diện tích sàn xây dựng 4.180 m2;

+ Dãy nhà ở xã hội thấp tầng gồm 22 lô (nhà liền kề); tổng diện tích đất xây dựng 1.485 m2; tổng diện tích sàn xây dựng 2.860 m2;

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Vườn hoa, cây xanh, sân chơi giao thông, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo sử dụng hiệu quả và tạo cảnh quan cho Khu nhà ở.

6. Số lượng căn hộ bán tại tòa CT2:

- Số căn hộ để bán đợt này: 91 (căn) (Phụ lục kèm theo)

Tổng số các căn hộ bán tại tòa CT2: 103 căn (tổng đã bán trong các đợt trước: 12 căn)

7. Diện tích căn hộ từng căn hộ: Có phục lục kèm theo.

8. Giá căn hộ, gồm giá bán: Có phụ lục kèm theo.

Tòa CT2: Theo thông báo số 35/TB-SXD ngày 22/02/2019 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua Nhà ở xã hội thuộc Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh *(nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)*.Với những nội dung chính như sau:

- Giá bán bình quân đã bao gồm thuế GTGT 5% và chi phí bảo trì 2% là: **9.920.000** đồng/m2 (*Chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng trên một mét vuông sử dụng)*

9. Việc thực hiện quy định về điều kiện được kinh doanh nhà ở tại dự án:

Văn bản số 964/SXD-QLN ngày 27/05/2019 của Sở Xây dựng về việc bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh *(nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh*)

10. Thời gian bắt đầu và kết thúc nhận hồ sơ đăng ký:

- Thời gian dự kiến bắt đầu nhận hồ sơ đăng ký: từ ngày 18/07/2026 vào các ngày trong tuần.

+ Sáng: Từ 8h30 đến 11h30.

+ Chiều: Từ 13h30 đến 16h30.

- Thời gian dự kiến kết thúc nhận hồ sơ đăng ký: 18/08/2026

- Hình thức tiếp nhận:

+ Online tại địa chỉ: https://forms.gle/YYHaMfMHGd7noFV2A

+ Trực tiếp tại Văn phòng giao dịch dự án, Văn phòng trụ sở Chủ đầu tư.

+ Dịch vụ bưu chính hoặc nộp cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nơi cá nhân đang làm để tổng hợp, gửi Chủ đầu tư dự án.

+ Điện thoại hỗ trợ: 0976755228

Công ty cổ phần Vạn Khởi Thành trân trọng báo cáo Sở Xây dựng để biết và đăng tải thông tin dự án theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- UBND phường Từ Sơn;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0102380512 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN KHỞI THÀNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN MẠNH TIẾN

PHỤ LỤC I DANH SÁCH 91 CĂN NOXH HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI TÒA CT2

(Kèm theo Công bố mở bán tòa CT2 đợt 1 ngày 12 tháng 06 năm 2026 của Công ty cổ phần Vạn Khởi Thành)

STT	Tòa	Khu/cụm căn hộ	Đơn nguyên	Tầng	Căn số	Mã căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Giá bán	Thành tiền
1	CT2		ĐN1	1	01	CT2.101	75	NOXH bán	9,920,000	744,000,000
2	CT2		ĐN1	1	02	CT2.102	65.4	NOXH bán	9,920,000	648,768,000
3	CT2		ĐN1	1	03	CT2.103	65.4	NOXH bán	9,920,000	648,768,000
4	CT2		ĐN1	1	04	CT2.104	65.4	NOXH bán	9,920,000	648,768,000
5	CT2		ĐN1	1	05	CT2.105	65.4	NOXH bán	9,920,000	648,768,000
6	CT2	A3	ĐN1	2	02	CT2.ĐN1.202	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
7	CT2	A3	ĐN1	2	03	CT2.ĐN1.203	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
8	CT2	B1	ĐN1	2	07	CT2.ĐN1.207	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
9	CT2	A1	ĐN1	2	08	CT2.ĐN1.208	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
10	CT2	B1	ĐN1	3	01	CT2.ĐN1.301	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
11	CT2	A3	ĐN1	3	02	CT2.ĐN1.302	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
12	CT2	A3	ĐN1	3	03	CT2.ĐN1.303	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
13	CT2	A2	ĐN1	3	05	CT2.ĐN1.305	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
14	CT2	A1	ĐN1	3	08	CT2.ĐN1.308	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
15	CT2	A1	ĐN1	3	09	CT2.ĐN1.309	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
16	CT2	A3	ĐN1	4	03	CT2.ĐN1.403	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
17	CT2	B2	ĐN1	4	04	CT2.ĐN1.404	43.2	NOXH bán	9,920,000	428,544,000
18	CT2	A2	ĐN1	4	05	CT2.ĐN1.405	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
19	CT2	A1	ĐN1	4	06	CT2.ĐN1.406	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
20	CT2	A1	ĐN1	4	08	CT2.ĐN1.408	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
21	CT2	A1	ĐN1	4	09	CT2.ĐN1.409	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
22	CT2	A3	ĐN1	5	03	CT2.ĐN1.503	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
23	CT2	B2	ĐN1	5	04	CT2.ĐN1.504	43.2	NOXH bán	9,920,000	428,544,000
24	CT2	A2	ĐN1	5	05	CT2.ĐN1.505	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
25	CT2	A1	ĐN1	5	06	CT2.ĐN1.506	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
26	CT2	A1	ĐN1	5	08	CT2.ĐN1.508	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
27	CT2	A1	ĐN1	5	09	CT2.ĐN1.509	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
28	CT2	A3	ĐN1	6	02	CT2.ĐN1.602	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
29	CT2	B2	ĐN1	6	04	CT2.ĐN1.604	43.2	NOXH bán	9,920,000	428,544,000
30	CT2	A1	ĐN1	6	05	CT2.ĐN1.605	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
31	CT2	A1	ĐN1	6	06	CT2.ĐN1.606	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
32	CT2	A1	ĐN1	6	08	CT2.ĐN1.608	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
33	CT2	A1	ĐN1	6	09	CT2.ĐN1.609	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
34	CT2	B1	ĐN1	7	02	CT2.ĐN1.702	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
35	CT2	A2	ĐN1	7	03	CT2.ĐN1.703	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
36	CT2	A2	ĐN1	7	05	CT2.ĐN1.705	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
37	CT2	A1	ĐN1	7	06	CT2.ĐN1.706	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
38	CT2	B1	ĐN1	7	07	CT2.ĐN1.707	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
39	CT2	A1	ĐN1	7	08	CT2.ĐN1.708	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
40	CT2	B1	ĐN1	8	01	CT2.ĐN1.801	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
41	CT2	A3	ĐN1	8	02	CT2.ĐN1.802	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
42	CT2	A3	ĐN1	8	03	CT2.ĐN1.803	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
43	CT2	B2	ĐN1	8	04	CT2.ĐN1.804	43.2	NOXH bán	9,920,000	428,544,000
44	CT2	A2	ĐN1	8	05	CT2.ĐN1.805	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
45	CT2	A1	ĐN1	8	06	CT2.ĐN1.806	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
46	CT2	A1	ĐN1	8	09	CT2.ĐN1.809	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
47	CT2	B2	ĐN2	2	01	CT2.ĐN2.201	43.2	NOXH bán	9,920,000	428,544,000
48	CT2	A3	ĐN2	2	02	CT2.ĐN2.202	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
49	CT2	A3	ĐN2	2	03	CT2.ĐN2.203	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
50	CT2	A1	ĐN2	2	05	CT2.ĐN2.205	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
51	CT2	A1	ĐN2	2	06	CT2.ĐN2.206	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
52	CT2	B1	ĐN2	2	07	CT2.ĐN2.207	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000

PHỤ LỤC I DANH SÁCH 91 CĂN NOXH HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI TÒA CT2

(Kèm theo Công bố mở bán tòa CT2 đợt 1 ngày 12 tháng 06 năm 2026 của Công ty cổ phần Vạn Khởi Thành)

STT	Tòa	Ký hiệu căn hộ	Đơn nguyên	Tầng	Căn số	Mã căn hộ	Diện tích căn hộ (m2)	Loại căn hộ	Giá bán	Thành tiền
53	CT2	A1	ĐN2	2	08	CT2.ĐN2.208	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
54	CT2	B2	ĐN2	3	01	CT2.ĐN2.301	43.2	NOXH bán	9,920,000	428,544,000
55	CT2	A3	ĐN2	3	02	CT2.ĐN2.302	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
56	CT2	B1	ĐN2	4	03	CT2.ĐN2.304	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
57	CT2	A3	ĐN2	3	03	CT2.ĐN2.303	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
58	CT2	A1	ĐN2	3	05	CT2.ĐN2.305	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
59	CT2	A1	ĐN2	3	06	CT2.ĐN2.306	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
60	CT2	B1	ĐN2	3	07	CT2.ĐN2.307	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
61	CT2	A1	ĐN2	3	08	CT2.ĐN2.308	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
62	CT2	A2	ĐN2	3	09	CT2.ĐN2.309	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
63	CT2	B2	ĐN2	4	01	CT2.ĐN2.401	43.2	NOXH bán	9,920,000	428,544,000
64	CT2	A3	ĐN2	4	02	CT2.ĐN2.402	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
65	CT2	B1	ĐN2	4	03	CT2.ĐN2.404	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
66	CT2	A1	ĐN2	4	05	CT2.ĐN2.405	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
67	CT2	B1	ĐN2	4	07	CT2.ĐN2.407	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
68	CT2	A1	ĐN2	4	08	CT2.ĐN2.408	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
69	CT2	A2	ĐN2	4	09	CT2.ĐN2.409	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
70	CT2	B2	ĐN2	5	01	CT2.ĐN2.501	43.2	NOXH bán	9,920,000	428,544,000
71	CT2	A3	ĐN2	5	02	CT2.ĐN2.502	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
72	CT2	B1	ĐN2	5	04	CT2.ĐN2.504	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
73	CT2	A1	ĐN2	5	05	CT2.ĐN2.505	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
74	CT2	A1	ĐN2	5	06	CT2.ĐN2.506	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
75	CT2	B1	ĐN2	5	07	CT2.ĐN2.507	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
76	CT2	A1	ĐN2	5	08	CT2.ĐN2.508	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
77	CT2	A2	ĐN2	5	09	CT2.ĐN2.509	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
78	CT2	A3	ĐN2	6	02	CT2.ĐN2.602	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
79	CT2	A1	ĐN2	6	06	CT2.ĐN2.606	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
80	CT2	A1	ĐN2	6	08	CT2.ĐN2.608	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
81	CT2	A2	ĐN2	6	09	CT2.ĐN2.609	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
82	CT2	B2	ĐN2	7	01	CT2.ĐN2.701	43.2	NOXH bán	9,920,000	428,544,000
83	CT2	A3	ĐN2	7	03	CT2.ĐN2.703	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
84	CT2	A1	ĐN2	7	06	CT2.ĐN2.706	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
85	CT2	B1	ĐN2	7	07	CT2.ĐN2.707	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
86	CT2	A2	ĐN2	7	09	CT2.ĐN2.709	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
87	CT2	A3	ĐN2	8	02	CT2.ĐN2.802	62.3	NOXH bán	9,920,000	618,016,000
88	CT2	A1	ĐN2	8	06	CT2.ĐN2.806	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
89	CT2	B1	ĐN2	8	07	CT2.ĐN2.807	45.3	NOXH bán	9,920,000	449,376,000
90	CT2	A1	ĐN2	8	08	CT2.ĐN2.808	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000
91	CT2	A2	ĐN2	8	09	CT2.ĐN2.809	63.2	NOXH bán	9,920,000	626,944,000